

NHU CẦU HỌC LIỆU CỦA SINH VIÊN TRONG ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC KHU VỰC HÀ NỘI

NGUYỄN VĂN THIÊN*

NGUYỄN THỊ THƠM**

HOÀNG THỊ CHÚC**

KIM THỊ OANH**

LÊ THỊ LỆ**

Tóm tắt

Bài viết đề cập đến khái niệm nhu cầu học liệu; làm rõ thực trạng nhu cầu học liệu của sinh viên trong đào tạo trực tuyến tại các cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn Hà Nội; phân tích những thay đổi trong nhu cầu học liệu của sinh viên. Từ đó, bài viết đề xuất một số giải pháp đối với các cơ sở giáo dục đại học nhằm tăng cường khả năng đáp ứng nhu cầu học liệu của sinh viên trong bối cảnh đào tạo trực tuyến.

Từ khóa: Nhu cầu học liệu, đào tạo trực tuyến

Mở đầu

Trong những năm gần đây, môi trường sống của con người có rất nhiều thay đổi, đại dịch Covid-19 vừa qua là một minh chứng rõ nhất cho sự thay đổi này. Giải pháp tất yếu là phải nhanh chóng thích nghi với những thay đổi bằng những phương thức mới trong tiếp cận, sinh hoạt và công việc. Trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, trước tác động của môi trường sống, các cơ sở đào tạo trong đó có các trường đại học đã nhanh chóng chuyển đổi hình thức đào tạo từ trực tiếp sang trực

tuyến. Đây là sự thích ứng của các cơ sở đào tạo nhằm duy trì các hoạt động, cũng như đảm bảo quyền lợi cho người học.

Có nhiều vấn đề đặt ra đối với các cơ sở giáo dục đại học khi chuyển đổi sang phương thức đào tạo trực tuyến, trong đó có vấn đề học liệu phục vụ đào tạo. Việc chuyển hướng sang hình thức đào tạo trực tuyến đã kéo theo những thay đổi đáng kể về nhu cầu tài liệu học tập của sinh viên. Thực tế này đòi hỏi các cơ sở giáo dục đại học phải xác định được những thay đổi về nhu cầu học liệu, từ đó có các giải pháp phù hợp nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của sinh viên.

1. Khái niệm nhu cầu học liệu

Hiện nay, có nhiều cách hiểu khác nhau về khái niệm nhu cầu, như theo quan điểm

* TS. Khoa Thông tin, Thư viện, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội

** Sinh viên Khoa Thông tin, Thư viện, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội

của Philip Kotler - Đại học Northwestern: “Nhu cầu là cảm giác thiếu hụt một cái gì đó mà con người cảm nhận được”¹. Theo chúng tôi, nhu cầu được hiểu là đòi hỏi khách quan của con người với một đối tượng nhất định trong những điều kiện nhất định nhằm đảm bảo duy trì sự sống và sự phát triển của con người. Nhu cầu của con người là sản phẩm của đời sống xã hội. Nhu cầu hình thành do kết quả sự tác động giữa hoàn cảnh bên ngoài và trạng thái bên trong của chủ thể. Nhu cầu phát triển dưới sự chi phối trực tiếp của điều kiện kinh tế, xã hội, văn hoá ở một giai đoạn nhất định, tại một địa bàn cụ thể.

Theo Thông tư số 11/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: “Học liệu là các phương tiện vật chất lưu giữ, mang hoặc phản ánh nội dung học tập, nghiên cứu. Học liệu có thể sử dụng dưới dạng truyền thống (tranh ảnh, ảnh dạng thẻ) và học liệu điện tử. Học liệu điện tử là các tài liệu học tập được số hóa theo một kiến trúc định dạng và kịch bản nhất định, được lưu trữ trên các thiết bị điện tử như CD, USB, máy tính, mạng máy tính nhằm phục vụ cho việc dạy và học. Dạng thức số hóa có thể là văn bản (text), bảng dữ liệu, âm thanh, hình ảnh, video, phần mềm máy tính và hỗn hợp các dạng thức nói trên”².

Học liệu là những nguyên liệu được giáo viên và sinh viên sử dụng trong quá trình giảng dạy và học tập theo quy định của chương trình giảng dạy của trường, địa phương hay cả nước. Về mặt hình thức, học liệu là những văn bản, video, phần mềm, con người, sự vật, dữ liệu và các học liệu khác ở định dạng thực hay ảo. Về mặt nội dung, các nguyên liệu này phải có khả năng cung cấp thông tin, tri thức khoa học cho môn học hoặc một phần của môn học theo chương trình học đã được một cấp có thẩm quyền thông qua.

Cho đến nay, chưa có nhiều định nghĩa về nhu cầu học liệu. Trong lĩnh vực thông tin - thư viện, khái niệm này thường được tiếp cận từ khái niệm “nhu cầu tin”. Theo Trần Thị Minh Nguyệt: “Nhu cầu tin là đòi hỏi khách quan của con người (cá nhân, nhóm, xã hội), đối với việc tiếp nhận và sử dụng thông tin, nhằm duy trì hoạt động sống của con người. Nhu cầu tin nảy sinh trong quá trình thực hiện các loại hoạt động khác nhau của con người. Càng tham gia nhiều loại hoạt động khác nhau, nhu cầu tin của con người càng phong phú hơn. Hoạt động càng phức tạp, nhu cầu tin càng trở nên sâu sắc hơn. Nhu cầu tin là nhu cầu quan trọng của con người, là một dạng của nhu cầu tinh thần, nhu cầu bậc cao của con người”³.

Theo chúng tôi, khái niệm nhu cầu tài liệu học tập đề cập đến các nguồn lực, tài liệu và công cụ mà sinh viên cần để học và hiểu nội dung khóa học một cách hiệu quả. Nhu cầu học liệu là đòi hỏi khách quan của con người đối với việc tiếp nhận và sử dụng học liệu, nhằm phục vụ cho hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu. Nhu cầu tài liệu học tập có thể bao gồm sách giáo khoa, tài liệu phát tay, bài giảng, bài đọc trực tuyến, video, phương tiện tương tác và các công cụ kỹ thuật số khác.

Đối với sinh viên, nhu cầu học liệu chủ yếu nảy sinh trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học. Càng tham gia nhiều loại hoạt động khác nhau của quá trình học tập và nghiên cứu, nhu cầu học liệu của sinh viên càng phong phú hơn. Nhu cầu tài liệu học tập cụ thể của sinh viên có thể khác nhau, tùy thuộc vào khóa học, cấp độ học tập và phong cách học tập cá nhân. Ví dụ: một số sinh viên có thể thích các phương tiện trực quan như sơ đồ, video hoặc hình ảnh để giúp họ hiểu nội dung khóa học; trong khi những người khác có thể thích

các tài liệu bằng văn bản như sách giáo khoa hoặc tài liệu phát tay. Ngoài ra, nhu cầu tài liệu học tập của học sinh có thể bị ảnh hưởng bởi các yếu tố bên ngoài, chẳng hạn như khả năng tiếp cận công nghệ, hạn chế tài chính và hoàn cảnh cá nhân.

Trong bối cảnh đào tạo trực tuyến, nhu cầu tài liệu học tập càng trở nên quan trọng hơn, vì sinh viên không thể dựa vào sự tương tác trực tiếp với người hướng dẫn và bạn bè để làm rõ nội dung khóa học. Thay vào đó, họ phải dựa vào các nền tảng và tài liệu kỹ thuật số để truy cập nội dung khóa học, giao tiếp với người hướng dẫn và hoàn thành khóa học. Do đó, các trường đại học có đào

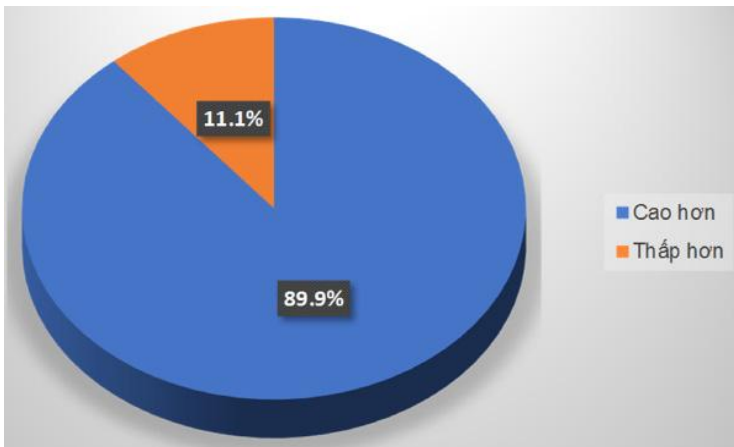
tạo trực tuyến phải xem xét cẩn thận nhu cầu tài liệu học tập của sinh viên và cung cấp các nguồn lực cũng như hỗ trợ cần thiết để đảm bảo sinh viên có thể thành công trong môi trường học tập trực tuyến.

2. Thực trạng nhu cầu học liệu của sinh viên trong đào tạo trực tuyến

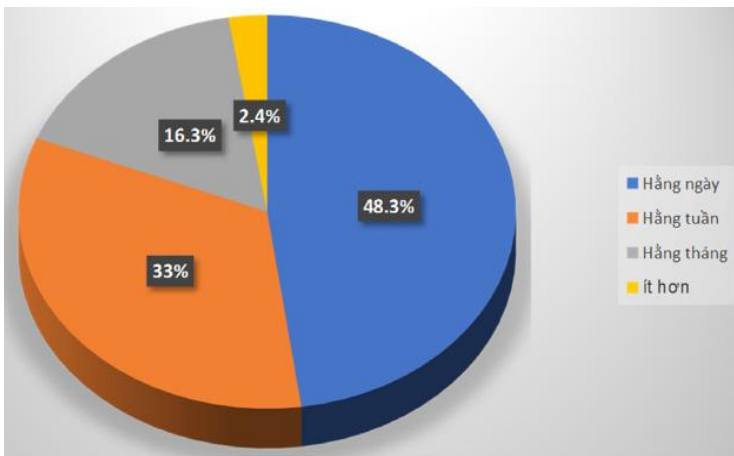
Để xác định được nhu cầu học liệu của sinh viên trong đào tạo trực tuyến tại các cơ sở giáo dục đại học khu vực Hà Nội, nhóm nghiên cứu đã khảo sát bằng bảng hỏi đối với 209 sinh viên. Mẫu khảo sát được lựa chọn mang tính đại diện, gồm các trường đại học thuộc nhiều lĩnh vực khoa học khác nhau: Văn hóa, Khoa học và Công nghệ, Khoa học xã hội, Khoa học tổng hợp, Kinh tế, Ngân hàng... Các trường trong mẫu khảo sát có quy mô đào tạo ở các mức độ khác nhau: từ hàng nghìn sinh viên đến hàng chục nghìn sinh viên. Kết quả khảo sát cho thấy, có nhiều sự thay đổi trong nhu cầu sử dụng học liệu của sinh viên.

Thứ nhất, nhu cầu học liệu của sinh viên tăng lên

Số liệu thống kê trong Biểu đồ 1 là mức độ dao động về nhu cầu học liệu của sinh viên các trường đại học khi học trực tuyến. Phân tích số liệu cho thấy, nhu cầu học liệu của sinh viên khi học trực tuyến có sự dao động khá lớn theo chiều hướng tăng lên so với đào tạo trực tiếp: gần 90% sinh viên được khảo sát cho rằng nhu cầu học liệu của họ tăng lên; ở chiều ngược lại, chỉ có 11,1% cho rằng nhu cầu học liệu giảm.



Biểu đồ 1. Mức độ dao động về nhu cầu học liệu của sinh viên khi học trực tuyến



Biểu đồ 2. Tần suất sử dụng học liệu của sinh viên

Thứ hai, tần suất sử dụng học liệu của sinh viên tăng lên

Số liệu thống kê trong Biểu đồ 2 là thực trạng tần suất sử dụng học liệu của sinh viên các trường đại học trong quá trình học trực tuyến.

Số liệu khảo sát cho thấy: có 48,3% sinh viên được hỏi sử dụng học liệu hằng ngày; 33% sử dụng học liệu hàng tuần; 16,3% sử dụng học liệu hàng tháng; chỉ có 2,4% sinh viên rất ít sử dụng học liệu. Tần suất sử dụng học liệu của sinh viên trong đào tạo trực tuyến tăng lên đáng kể. Ví dụ, ở các trường như Đại học Bách khoa Hà Nội, Học viện Ngân Hàng, Trường Đại học Hà Nội, ... tần suất sử dụng học liệu hàng ngày của sinh viên đều trên 65%.

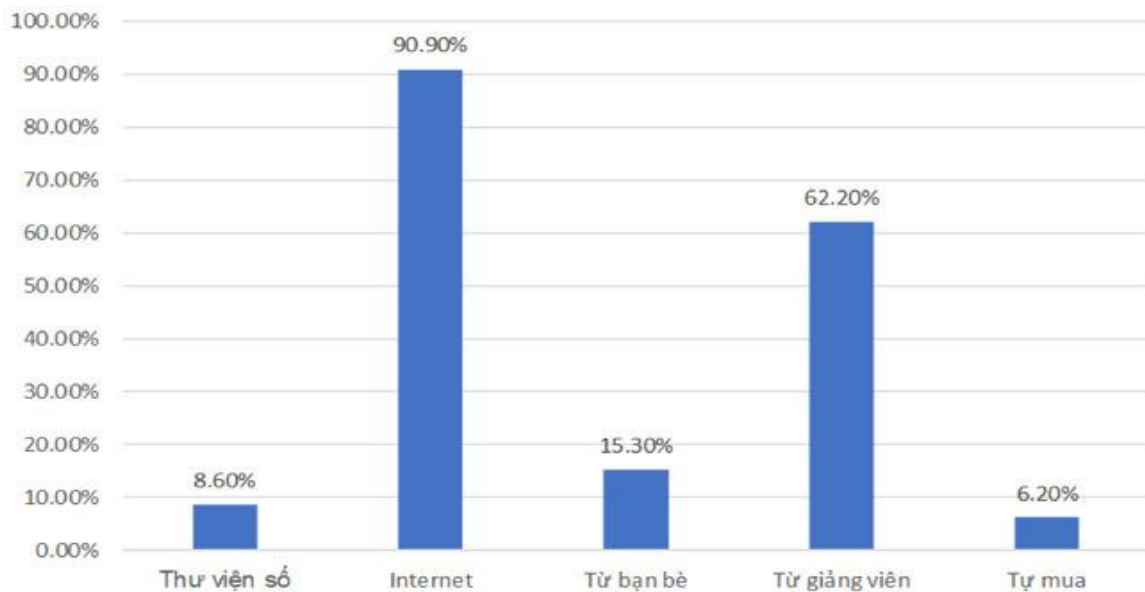
Thứ ba, nguồn học liệu và phương thức sử dụng học liệu có những biến đổi

Kết quả tổng hợp trong Biểu đồ 3 là nguồn học liệu sinh viên thường sử dụng, khai thác trong quá trình học trực tuyến. Phân tích kết quả cho thấy, phần lớn sinh viên (chiếm 90,9%) sử dụng nguồn học

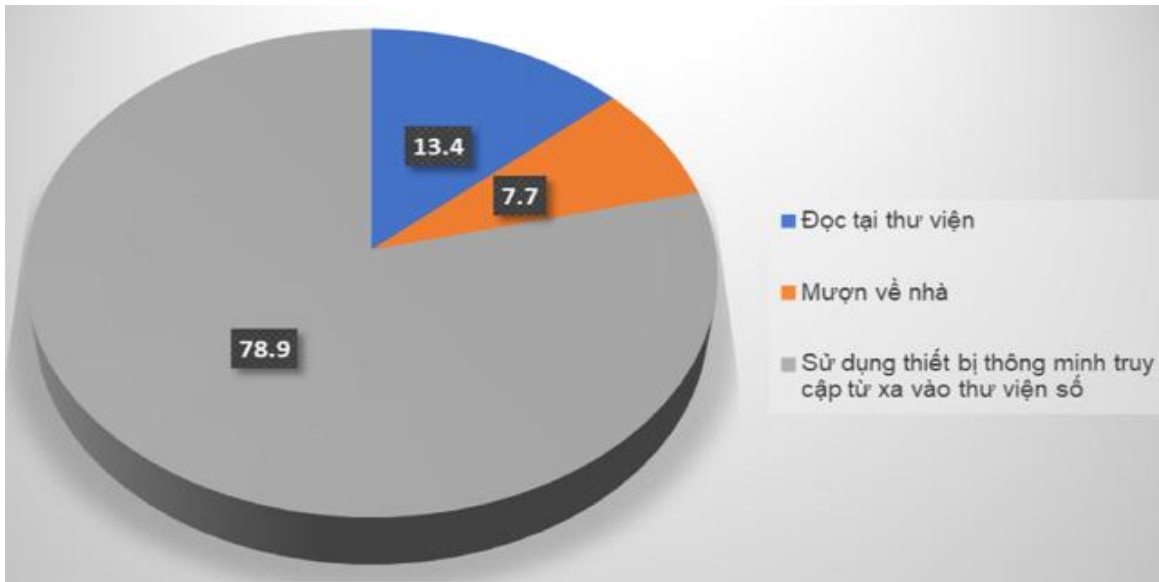
liệu từ Internet. Các kênh khác như thư viện số của trường là 8,6%, từ giảng viên là 62,2%, từ bạn bè là 15,3%, còn lại 6,2% sinh viên tự mua học liệu.

Nghiên cứu cho thấy, trong bối cảnh dịch bệnh, học tập trực tuyến đã tạo ra sự chuyển dịch khá lớn về nguồn học liệu sinh viên tìm kiếm, khai thác. Với sự khó khăn về nhiều mặt trong việc có thể tiếp cận trực tiếp trong môi trường vật lý (đến thư viện để khai thác học liệu), mạng Internet trở thành nguồn thông tin hữu ích được các bạn sinh viên lựa chọn tìm kiếm, khai thác thông tin. Trong khi đó, tỷ lệ sinh viên sử dụng thư viện số của các trường đại học để tìm kiếm học liệu chỉ chiếm 8,6% - một tỷ lệ khá thấp.

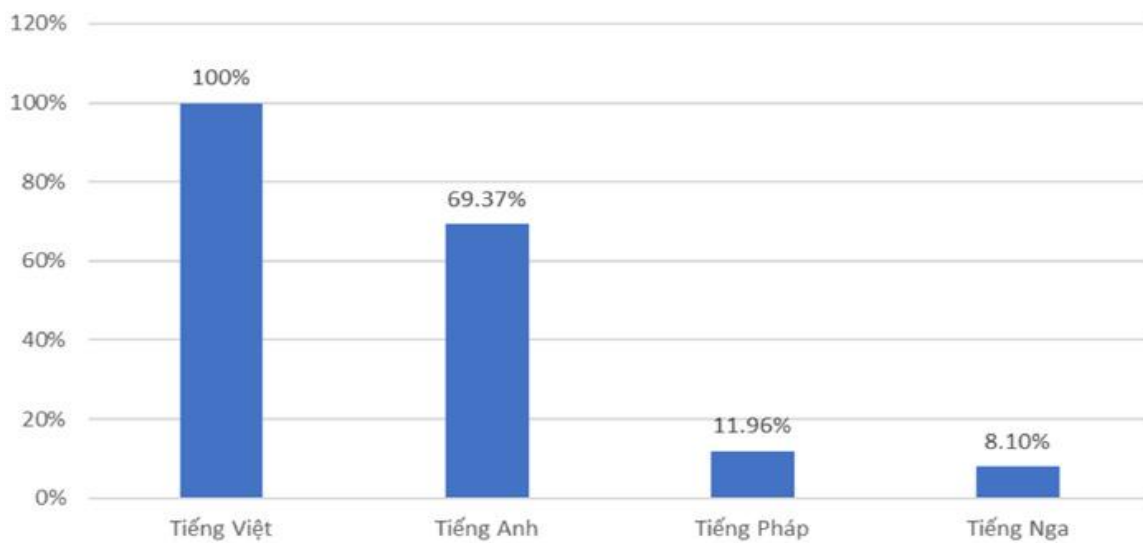
Phân tích kết quả khảo sát cho thấy, cùng với sự phát triển của khoa học và công nghệ, phương thức tiếp nhận thông tin, phương thức sử dụng học liệu của sinh viên đã có sự thay đổi lớn. Nếu như trước đây, những phương thức sử dụng học liệu trực tiếp tại thư viện được sinh viên lựa chọn nhiều



Biểu đồ 3. Nguồn học liệu sinh viên thường sử dụng trong quá trình học trực tuyến



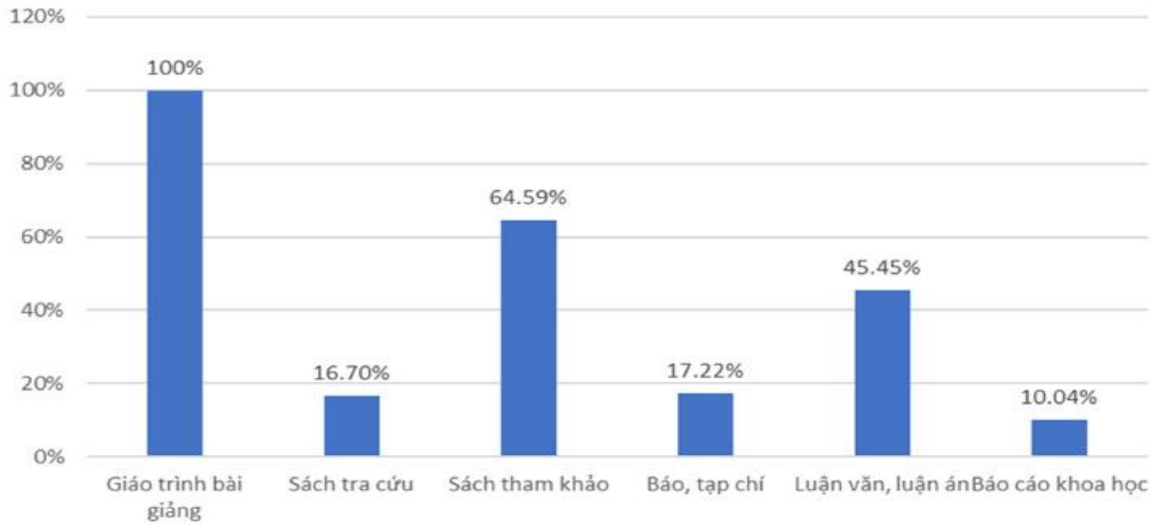
Biểu đồ 4. Phương thức sử dụng học liệu mà sinh viên yêu thích nhất



Biểu đồ 5. Ngôn ngữ của học liệu mà sinh viên thường sử dụng

nhất, thì hiện nay, trong bối cảnh đào tạo trực tuyến với sự hỗ trợ của các thiết bị công nghệ, phương thức tiếp nhận học liệu từ xa thông qua môi trường mạng chiếm tỷ lệ rất cao. Kết quả khảo sát cho thấy, có tới 78,9% sinh viên yêu thích phương thức này (Biểu đồ 4). Thực tế này đặt ra yêu cầu đổi mới trong phương thức cung cấp học liệu cho sinh viên trong các trường đại học. Thách thức lớn là việc cung cấp cho sinh viên

quyền truy cập vào các tài liệu cần thiết. Mặc dù nhiều cơ sở giáo dục đại học đã đầu tư vào tài nguyên thư viện trực tuyến, nhưng không phải tất cả sinh viên đều có quyền và khả năng truy cập như nhau. Điều này có thể tạo ra sự chênh lệch về nhu cầu tài liệu học tập dựa trên tình trạng kinh tế xã hội và vị trí. Một thách thức nữa là việc đảm bảo cho sinh viên có quyền truy cập vào các nền tảng và công cụ kỹ thuật



Biểu đồ 6. Nhu cầu về loại hình học liệu

số chất lượng. Các nền tảng và công cụ học tập trực tuyến phải thân thiện với người dùng, đáng tin cậy và dễ tiếp cận đối với học sinh khuyết tật. Tuy nhiên, không phải tất cả các cơ sở giáo dục đại học đã đầu tư vào nền tảng kỹ thuật số chất lượng cao có khả năng hỗ trợ học tập trực tuyến. Điều này có thể dẫn đến sự thất vọng và thiếu gắn kết giữa các sinh viên, cuối cùng cản trở khả năng thành công của họ trong các lớp học trực tuyến.

Thứ tư, nhu cầu về ngôn ngữ và loại hình học liệu không có nhiều thay đổi

Phân tích số liệu khảo sát cho thấy, không có nhiều thay đổi về ngôn ngữ của học liệu sinh viên thường sử dụng khi chuyển sang đào tạo trực tuyến. Phần lớn sinh viên đều sử dụng học liệu đa ngôn ngữ phục vụ nghiên cứu, học tập... Chiếm tỷ lệ tuyệt đối (100%) là nhu cầu học liệu bằng ngôn ngữ tiếng Việt; nhu cầu học liệu tiếng Anh chiếm 69,37 %; nhu cầu học liệu tiếng Pháp chiếm 11,96 %; nhu cầu học liệu tiếng Nga có 8,1% (Biểu đồ 5). Kết quả khảo sát phản ánh đúng thực trạng, đặc điểm nhu cầu ngôn ngữ của học

liệu trong sinh viên trường đại học nói chung. Nhu cầu các học liệu bằng tiếng Việt vẫn là chủ yếu chiếm tỷ lệ cao nhất. Nhu cầu học liệu bằng tiếng Anh chiếm tỷ lệ tiếp theo và các ngôn ngữ khác chiếm tỷ lệ thấp hơn.

Số liệu thống kê trong biểu đồ 6 là thực trạng các loại hình học liệu sinh viên thường sử dụng.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy, không có nhiều thay đổi về nhu cầu loại hình học liệu của sinh viên khi các cơ sở giáo dục đại học chuyển sang hình thức đào tạo trực tuyến. Sinh viên vẫn sử dụng tất cả các loại hình học liệu, trong đó, nhu cầu đối với bài giảng, giáo trình là lớn nhất với 100%; sách tham khảo đứng thứ 2 với 64,59 %; đứng thứ 3 là luận văn, luận án chiếm 45,45%; báo tạp chí chiếm 17,22%; sách tra cứu là 16,7%; báo cáo khoa học là 10,04% (Biểu đồ 6). Điều này phản ánh đúng thực trạng nhu cầu chung của sinh viên về các loại hình tài liệu, trong đó, giáo trình và bài giảng vẫn là những loại hình tài liệu được sử dụng nhiều nhất, tiếp đến là sách tham khảo và luận văn, luận án...

3. Một số giải pháp đối với các cơ sở giáo dục đại học nhằm nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu học liệu cho sinh viên trong đào tạo trực tuyến

Như vậy, có thể thấy, trong bối cảnh các cơ sở giáo dục đại học chuyển đổi sang hình thức đào tạo trực tuyến, nhu cầu về học liệu của sinh viên tại các trường đại học khu vực Hà Nội đã có những sự biến đổi khá lớn. Những biến đổi này thể hiện ở: nhu cầu về học liệu cao hơn; tần suất sử dụng học liệu tăng lên; nguồn học liệu và phương thức sử dụng học liệu có sự chuyển dịch, thay đổi mạnh mẽ, trong đó, mạng Internet là nguồn thông tin mà sinh viên sử dụng nhiều nhất. Tương tự như vậy, phương thức khai thác thông tin qua mạng thông qua việc sử dụng máy tính và các thiết bị thông minh đang được gần 80% sinh viên lựa chọn và yêu thích nhất.

Để có thể đảm bảo chất lượng của hình thức đào tạo trực tuyến, các cơ sở giáo dục đại học cần có sự đổi mới về nhiều mặt, trong đó có sự đổi mới về lĩnh vực thông tin - thư viện. Để đáp ứng tốt, kịp thời những thay đổi về nhu cầu học liệu của sinh viên, các thư viện trong cơ sở đào tạo đại học cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp khác nhau:

Thứ nhất, tăng cường phát triển các nguồn học liệu điện tử

Trong điều kiện nhu cầu học liệu và phương thức khai thác thông tin của sinh viên đã có nhiều thay đổi theo hướng tương tác qua mạng, giải pháp phát triển các nguồn học liệu điện tử là tất yếu đối với các thư viện cơ sở giáo dục đại học. Có nhiều phương thức có thể được thực hiện nhằm tăng cường học liệu điện tử như: xây dựng bài giảng điện tử; thu thập các tài nguyên nội sinh điện tử; số hóa tài nguyên thông tin; liên kết, phối hợp trong việc bổ sung tài nguyên thông tin điện tử...

Thứ hai, cung cấp quyền truy cập vào tài liệu học tập

Một trong những thách thức chính của đào tạo trực tuyến là cung cấp cho sinh viên quyền truy cập vào tài liệu học tập. Các cơ sở giáo dục đại học cần đảm bảo việc cung cấp cho sinh viên quyền truy cập vào nhiều loại tài nguyên kỹ thuật số, bao gồm các bài đọc trực tuyến, video, phương tiện tương tác và các công cụ kỹ thuật số khác. Điều này có thể được thực hiện thông qua thư viện trường đại học, hoặc bằng cách hợp tác với các nền tảng học tập trực tuyến. Các trường đại học cũng có thể tận dụng công nghệ để tạo ra các lớp học ảo cung cấp cho sinh viên quyền truy cập vào tài liệu khóa học và video bài giảng.

Thứ ba, liên thông các thư viện đại học

Trên thế giới, việc liên thông thư viện đã được thực hiện khá sớm, từ những thập niên 60 - 70 của thế kỷ trước, nhưng tại Việt Nam, hoạt động này còn có nhiều hạn chế. Trong những năm gần đây, đặc biệt là từ khi Luật Thư viện ra đời năm 2019, vấn đề liên thông thư viện được đề cập nhiều. Tuy nhiên, để luật thực sự đi vào thực tiễn, cần phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó, quan trọng nhất là nhận thức từ chính các thư viện về sự cấp thiết phải kết nối liên thông các thư viện nhằm tạo ra sức mạnh tổng thể trong bối cảnh môi trường hoạt động thư viện có nhiều thay đổi.

Thứ tư, đổi mới phương thức cung cấp học liệu

Kết quả khảo sát cho thấy có trên 80% sinh viên yêu thích việc tương tác với thư viện qua môi trường mạng để khai thác học liệu. Đây là xu hướng tất yếu, đặc biệt là trong bối cảnh khoa học công nghệ và mạng xã hội phát triển mạnh mẽ như hiện nay. Việc đổi mới phương thức cung cấp học liệu theo hướng tăng cường các dịch vụ

tương tác qua môi trường mạng là cấp thiết đối với các thư viện của cơ sở giáo dục đại học. Để thực hiện được mục tiêu này, thư viện cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp khác nhau nhằm chuyển đổi số hoạt động của mình. Trong đó các giải pháp trọng tâm cần thực hiện là: tăng cường hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông; xây dựng thư viện số; phát triển các sản phẩm thông tin, đặc biệt là các cơ sở dữ liệu.

Kết luận

Đào tạo trực tuyến là một mô hình tiên bộ, mang đến cho người dạy và người học nhiều trải nghiệm khác nhau và có thể thích ứng nhanh với những thay đổi của môi trường sống. Có nhiều vấn đề đặt ra và những thay đổi khi một cơ sở giáo dục đại học chuyển sang hình thức đào tạo trực tuyến, trong đó có sự thay đổi trong nhu cầu học liệu của sinh viên. Để có thể đảm

bảo chất lượng của hình thức đào tạo trực tuyến, các cơ sở giáo dục đại học cần áp dụng đồng bộ nhiều giải pháp khác nhau. Trong đó, việc tăng cường học liệu điện tử, thay đổi phương thức cung cấp học liệu, hay liên thông thư viện là những giải pháp rất quan trọng.

N.V.T - N.T.T - H.T.C - K.T.O - L.T.L

Chú thích

¹ Philip Kotler (2015), *Marketing căn bản*, Nxb. Lao động - Xã hội, Hà Nội, tr. 9.

² Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư số 11/2018/TT-BGDĐT ngày 6/4/2018 Ban hành tiêu chí để xác định hàng hóa chuyên dùng phục vụ trực tiếp cho giáo dục.

³ Trần Thị Minh Nguyệt (2010), *Bài giảng: Người dùng tin và nhu cầu tin*, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, tr. 152.

LEARNING MATERIAL DEMAND IN ONLINE TRAINING IN HIGHER EDUCATION INSTITUTIONS IN HANOI

Abstract

This article sheds light on a term called learning material demand. It first analyses student's demand for learning materials in online training in the higher education institution in Hanoi and then examines students' changing demands for learning materials. The article also proposes some implications for the higher education institutions in Hanoi to strengthen its capacity to meet student's demand for learning materials during the online training.

Keywords: Demand for learning material, online training

Ngày nhận bài: 17 - 9 - 2022

Ngày phản biện, đánh giá: 5 - 12 - 2022

Ngày chấp nhận đăng: 25 - 12 - 2022